



## Diên Thọ Đại Sư - Liên Tông Lục Tổ

Diên Thọ đại sư, tự Xung Huyền, người đời Tống, con của họ Vương ở Tiền Đường. Lúc thiếu thời, ngài thích tụng kinh Pháp Hoa, cảm đến bảy dê quỳ mọp nghe kinh.

Lớn lên, Xung Huyền được Văn Mục Vương tuyển dụng cho làm quan trông nom về thuế vụ. Nhiều lần ngài lấy tiền công quỹ đến Tây Hồ mua cá trạch phóng sanh. Việc phát giác ra, bị pháp ty thẩm định, xử ngài vào tội tử hình. Lúc sắp đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật cho người rình xem, nếu thấy ngài nhan sắc thản nhiên, không tỏ vẻ buồn rầu lo sợ thì phải đem về trình lại. Thấy ngài trước sau vẫn an điềm. Sứ giả trao sắc chỉ cho quan Giám Trảm, rồi dẫn về diện kiến vua. Khi vương hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi tư dụng của công, thật đáng tội chết! Nhưng toàn số tiền đó, tôi dùng mua cứu được muôn ức sanh mạng thì dù thân này có chết cũng được vĩnh sanh về cõi Liên Bang, vì thế nên tôi không lo sợ." Văn Mục Vương nghe qua cảm động ra lệnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Sau đó, ngài đến quy đầu với Thúc Nham thiền sư ở Tứ Minh. Kế lại tham học với Thiều Quốc Sư ở Thiên Thai, tỏ ngộ tâm yếu, được Quốc Sư ấn khả,

ngài từng tu Pháp Hoa Sám ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán thấy đức Quán Thế Âm Bồ Tát rưới nước cam lồ vào miệng từ đó được biện tài vô ngại. Do túc nguyện muốn chuyên chú về Thiền hoặc Tịnh mà chưa quyết định, ngài đến thiền viện của Trí Giả đại sư làm hai lá thăm: một lá đề "Nhất tâm Thiền Định", còn lá kia là: "Trang nghiêm Tịnh Độ". Kể lại chí tâm đánh lễ Tam Bảo sám hối, cầu xin gia bị. Đến khi rút thăm, luôn bảy lần đều nhằm lá "Trang nghiêm Tịnh Độ". Từ đấy ngài nhứt ý tu về Tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ hai đời Tống, Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh, tôn hiệu là Trí Giác thiền sư. Ngài ở đây trước sau mười lăm năm, độ được một ngàn bảy trăm vị Tăng. Đại Sư lập công khóa, mỗi ngày đêm hành trì một trăm lẻ tám điều. Và hai điều đặc biệt trong đó là tụng một bộ kinh Pháp Hoa, niệm mười muôn câu Phật hiệu. Ban đêm khi ngài qua gộp núi khác niệm Phật, những người ở gần nghe tiếng loa pháp cùng thiên nhạc trầm bổng du dương. Về kinh Pháp Hoa, trọn đời ngài tụng được một muôn ba ngàn bộ. Đại Sư thường truyền giới Bồ Tát, mua chim cá phóng sanh, thí thực cho quỷ thần, tất cả công đức đều hồi hướng về Tịnh Độ. Ngài có trứ tác một trăm quyển Tông Cảnh Lục, hội chỉ thú dị đồng của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Đại Sư lại soạn ra tập Vạn Thiện Đồng Quy. Trong đây lời lẽ chỉ dạy về Tịnh Độ rất thiết yếu, đại lược như sau:

Hỏi: Cảnh duy tâm Tịnh Độ đầy khắp mười phương sao không hướng nhập, mà lại khởi lòng thủ xả, cầu về Cực Lạc gửi chắt ở đài sen. Như thế đâu hợp với lý vô sanh, và đã có tâm chán uế ưa tịnh thì đâu thành bình đẳng?

Đáp: Sanh duy tâm Tịnh Độ là phần của các bậc đã liễu ngộ tự tâm, chứng được Pháp Thân vô tướng. Tuy nhiên, theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới thì những bậc chứng Sơ Địa vào Duy Tâm Độ cũng nguyện xả thân để mau sanh về Cực Lạc. Thế thì biết ngoài tâm không pháp, cảnh Cực Lạc đâu ngoài Duy Tâm? Còn về phần "Lý vô sanh và môn bình đẳng" tuy lý thuyết là như thế, nhưng kẻ lực lượng chưa đủ, trí cạn tâm thô, tập nhiễm nặng, lại gặp cảnh trần lồi cuốn mạnh mẽ, dễ gì mà chứng nhập được. Những kẻ ấy cần phải cầu sanh Cực Lạc, nhờ cảnh duyên thẳng diệu ở đó, mới mau chứng vào Tịnh Độ duy tâm và thực hành đạo Bồ Tát.

Thập Nghi Luận cũng nói: "Bậc trí tuy liễu vô sanh, song vẫn hằng hái cầu về Tịnh Độ, vì thấu suốt sanh thể như huyễn, không thể tìm được. Đó mới thật là chân vô sanh. Còn kẻ ngu không hiểu lý ấy, bị nghĩa sanh ràng buộc

nghe nói sanh thì nghĩ rằng thật có tướng sanh, nghe nói vô sanh lại tưởng lầm là không sanh về đâu cả. Do đó, họ mới khởi niệm thị phi chê bai lẫn nhau gây thành nghiệp tà kiến báng pháp. Đáng thương thay!

Hỏi: Kinh luận nói: "Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai". Nhưng sao người tu Tịnh Độ lại thấy thánh tướng và việc Phật đến rước là như thế nào?

Đáp: Kinh Bát Chu nói: "Như người nằm mơ thấy bảy thứ báu, hàng thân thuộc đều cùng vui mừng. Đến lúc thức tỉnh nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu ấy ở đâu? Sự việc niệm Phật cũng như vậy". Thế thì biết các cảnh đều như huyễn, do duy tâm hiện, tức có mà không, tuy hiện tướng khứ lai song thật không có đến đi. Cho nên, thánh cảnh tuy như huyễn, song chẳng phải không có huyễn tướng, việc đến đi tuy không thật, song chẳng ngại gì có tướng khứ lai. Đó là lý Trung Đạo. Huyền sắc tức chân không; chân không chính là huyền sắc, có và không đều vô ngại. Tất cả sự và cảnh chúng sanh đang sống ở thế gian này cũng đều như thế.

Thật ra, chân cảnh của duy tâm không có Đông, Tây cùng các phương hướng, không có đến đi qua lại, cũng không có một pháp nào ngoài tâm. Nhưng với bậc đã dứt trừ nghiệp hoặc chứng Vô Sanh Nhẫn, vào Thật Tướng của Pháp Thân mới dám đương sánh huyền lý trên đây. Còn hàng sơ tâm mới tu chớ nên lầm tự nhận.

Hỏi: Theo Quán kinh thì phải nhiếp tâm vào định, quán y báo, chánh báo cõi Cực Lạc rõ ràng mới có thể về Tịnh Độ. Tại sao kẻ chưa vào định, tu môn Trì Danh cũng được vãng sanh?

Đáp: Chín phẩm sen ở Cực Lạc gồm nhiếp tất cả công hạnh thấp cao, song không ngoài hai điểm: Định Tâm và Chuyên Tâm.

1. Định Tâm hay Định Thiện là những vị tu tập quán pháp thành công, hoặc trì danh hiệu được vào tam muội. Các vị này sẽ sanh về thượng phẩm.

2. Chuyên Tâm hay Tín Thiện là những người chỉ niệm danh hiệu chưa được vào tam muội, hoặc tu các công đức lành khác trợ giúp, rồi phát nguyện hồi hướng. Hạng người này cũng được dự vào các phẩm thấp hơn. Nhưng cần phải trọn đời quy mạng Tây phương và chuyên cần tu tập. Lúc ngồi, nằm thường xoay mặt về hướng Tây. Khi niệm Phật, lúc phát nguyện, phải chí thành không xao lãng. Tâm niệm khẩn thiết ấy ví như kẻ bị gông xiềng, tù ngục cầu mau thoát ly; người lâm cảnh lửa cháy, nước trôi, hoặc giặc cướp rượt đuổi mong được khỏi nạn. Lại phải vì sự sống chết, phát lòng Bồ Đề,

cầu sanh Tây phương, mau thành Thánh Đạo để đền đáp bốn ân, nối thạnh Tam Bảo độ khắp muôn loài. Chí thành như thế, quyết chắc sẽ được kết quả.

Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, sức tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhất, sự tu hành không tương tục thì khó hy vọng thành công. Bởi kẻ biếng trễ như thế, e khi lâm chung bị nghiệp chướng trở ngại, chẳng gặp bạn lành, lại thêm thân thể đau nhức, tâm thức hôn mê, không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi hiện tại là nhân, khi lâm chung là quả. Cần phải nhân cho chắc thật, quả mới không hư luống, như tiếng hòa nhã thì vang dịu dàng, hình ngay tắt bóng thẳng vậy. Nếu muốn khi sắp chết mười niệm thành công thì ngay lúc hiện tại phải một lòng chí thiết tinh tấn tu hành, tất không còn điều chi lo ngại.

Đại khái, chúng sanh bởi tâm chia thiện ác, nên báo có khổ vui. Do nơi ba nghiệp tạo thành, mới khiến sáu đường luân chuyển. Nếu tâm sân hận, tà dâm, đó là nghiệp Địa Ngục. Tâm tham lam, bòn sẻn là nghiệp Ngạ Quỷ. Tâm ngu si, tà kiến là nghiệp Súc Sanh. Tâm ngã mạn, tự cao là nghiệp Tu La. Giữ bền Ngũ Giới là nghiệp Người. Tiến tu Thập Thiện là nghiệp Thanh Văn. Rõ thấu duyên sanh là nghiệp Duyên Giác. Tu trọn Lục Độ là nghiệp Bồ Tát. Chân từ bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh niệm Phật thì hóa sanh về Tịnh Độ, ở nơi bảo các, hương đài. Như ý mê tối đục nhớ, tất gởi chất cõi Uế Bang, nường cảnh nồng gò, hầm hố. Cho nên lìa nguồn tự tâm không còn biệt thể, muốn được quả tịnh phải chủng nhân mẫu. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên, lý thế tất nhiên, có chi mà ngờ vực!

Đại Sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiền và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn, nên làm kệ Tứ Liệu Giản để so sánh sự lợi hại như sau:

Có Thiền không Tịnh Độ  
Mười người, chín lạc lộ  
Ấm cảnh khi hiện ra  
Chớp mắt đi theo nó.  
Không Thiền, có Tịnh Độ  
Muốn tu, muốn thoát khổ  
Vãng sanh thấy Di Đà  
Lo gì chẳng khai ngộ?  
Có Thiền, có Tịnh Độ

Như thêm sừng mãnh hổ.  
Hiện đời làm thầy người  
Về sau thành Phật, Tổ.  
Không Thiên, không Tịnh Độ  
Giường sắt, cột đồng lửa!  
Muôn kiếp lại ngàn đời  
Chẳng có nơi nương tựa.

Niên hiệu Khai Bảo thứ tám, ngày 26 tháng 2 vào buổi sáng sớm, Đại Sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật. Lễ xong, ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyên bảo, rồi ngồi kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ được bảy mươi hai tuổi.

Về sau, có vị Tăng từ Lâm Xuyên đến, trọn năm kính hành lễ tháp của Đại Sư. Có người hỏi duyên cớ, vị Tăng đáp: "Năm trước tôi bệnh nặng, thần thức vào cõi u minh, thấy bên tả đại điện có thờ tượng một vị Hoà Thượng. Minh Vương đang cung kính lễ bái tượng ấy. Tôi thưa hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diên Thọ thiền sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu. Ngài đã vắng sanh về phẩm Thượng Thượng nơi cõi Cực Lạc, Minh Vương trọng đức nên kính thờ".

Theo truyện ký, vào thời Ngô Việt Vương, tại Hàng Châu có Hoà Thượng Hành Tu trụ trì chùa Pháp Tướng. Ngài vốn con nhà họ Trần ở Tuyên Nam, sanh ra có tướng lạ, hai tai dài chấm tới vai, đến bảy tuổi vẫn không nói. Một hôm có người đùa hỏi, ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Nếu không gặp bậc tác gia, nói cho lắm chỉ xô phá lầu khố mà thôi!".

Sau ngài xuất gia ở chùa Ngõa Quan tại Kim Lăng, tham phỏng với Tuyết Phong thiền sư, ngộ được tâm ấn. Từ đó mãnh thú gặp ngài đều thuận phục, từng nổi tiếng là ông Tăng có nhiều sự phi thường, linh dị. Có một Đại Đức hỏi: "Thế nào là ý nghĩa của đôi tai dài?". Ngài không đáp, chỉ kéo dài hai tai mà biểu thị. Lại hỏi: "Chót núi phương Nam có khó đến chăng?". Ngài đáp: "Chỉ tại chưa từng đi đến". Hỏi: "Sau khi đến rồi như thế nào?" Đáp: "Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao".

Ngô Việt Vương nhân khi đến chùa lễ Phật, có hỏi ngài Vĩnh Minh: "Bạch tôn đức! Thời nay có bậc chân Tăng nào khác chăng?". Đại Sư đáp: "Có Hòa Thượng Hành Tu, đôi tai dài, chính là Phật Định Quang ứng thân đấy!". Vương tìm đến ngài Hành Tu cung kính đánh lễ, tôn xưng là Định Quang Như Lai ra đời. Ngài bảo: "Vĩnh Minh Đại Sư khéo nhiều lời. Ông ta cũng chính là Phật A Di Đà ứng thân đó". Nói xong, ngài yên mà hóa. Ngô Việt

Vương vội vã trở về chùa Vĩnh Minh định gạn hỏi hết thì Đại Sư cũng đã thị tịch.

Do đó, người đương thời thời truyền nhau: Vĩnh Minh đại sư là Phật A Di Đà ứng hóa. Và hàng Tăng, tục mới lấy ngày sanh nhật của Đại Sư - ngày 17 tháng 11 - là lễ vía kỷ niệm Phật A Di Đà.

## **LỤC TỔ DIÊN THỌ ĐẠI SƯ**

*Trích ở những bộ:*  
**“Lạc Ban Văn Loại”**  
**“Vạn thiện đồng quy tập”**

**Diên Thọ Đại Sư**, người Tiền Đường, họ Vương, tự Xung Huyền. Thuở thiếu niên thường trì tụng kinh Pháp Hoa, cảm bầy dê quỳ mọp nghe kinh.

Lớn lên, ngài làm quan coi về việc thuế vụ cho Văn Mục Vương. Nhiều lần ngài lấy tiền công đến Tây Hồ mua cá trạnh phóng sanh. Việc lấy tiền công bị phát giác. Hình quan thẩm định tội của ngài đáng xử tử.

Lúc dẫn ngài đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật sai người theo rình xem gương mặt, nếu có vẻ lo sợ buồn thảm thời cứ chém, còn nếu ngài vẫn vui vẻ thản nhiên thời phải đem ngài về trình lại. Thấy từ lúc dẫn đi cho đến lúc xấp sửa chém, nét mặt của ngài vẫn không có lộ vẻ sợ buồn mà lại có vẻ hân hoan là khác. Sứ giả liền truyền lệnh của Văn Mục Vương cho quan giám trảm rồi đem ngài về ra mắt Vương.

Wương hỏi: “Ông không sợ chết chém ư?”

Ngài đáp: “Tôi tư dụng của công khổ một số tiền lớn, tội đáng chết, nhưng toàn bộ số tiền đó tôi dùng mua chuộc muôn ức sanh mạng. Tôi tin rằng do công đức phóng sanh ấy, dầu thân này có chết, tôi sẽ được vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Vì thế nên tôi không lo sợ.

Văn Mục Vương cảm động bèn ra lệnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Ngài đến Tứ Minh thọ pháp với Túy Nham Thiền Sư. Sau ngài tham học với Thiều Quốc Sư ở Thiên Thai phát minh tâm yếu, được Thiều Quốc Sư ấn khả.

Ngài từng tu “Pháp Hoa sám” ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán, thấy đức Quan Thế Âm Bồ Tát rưới nước cam lộ vào miệng, từ đó ngài đặng biện tài vô ngại.

Ngài đầu tu “Thiền”, song lòng rất mộ “Tịnh”. Vì muốn có chỗ chuyên chú, ngài bèn đến thiền viện của Trí Giả Đại Sư làm hai lá thăm: một lá đề “Nhứt tâm thiền định”, một lá đề “Trang nghiêm tịnh độ”. Rồi ngài chí thành hương Tam Bảo mà rút thăm. Luôn bảy lần đều rút nhằm lá “Trang nghiêm tịnh độ”. Từ đây ngài nhứt tâm tu tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ hai, nhà Tống, Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh(1), tôn hiệu là Trí Giác Thiền Sư. Ngài ở Vĩnh Minh 15 năm, độ được 1.700 vị Tăng.

Mỗi ngày đêm, Đại Sư công khóa 108 việc. Đại sư thường truyền Bồ Tát giới, mua thả sanh mạng, thí thực quý thần, tất cả công đức đều hồi hướng Tịnh độ. Ban đêm ngài qua gộp núi khác niệm Phật, lấy số mười vạn câu làm chừng. Những người ở chỗ gần ngài niệm Phật có lúc nghe tiếng loa bồi thiên nhạc du dương. Về phần kinh Pháp Hoa, trọn đời ngài tụng được một muôn ba ngàn bộ. Ngài có trứ tác bộ “Tông Cảnh Lục” 100 quyển, hội chỉ thú đồng dị của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Ngài có viết tập “Vạn Thiện Đồng Quy”, trong tập này, về đoạn chỉ quy Tịnh độ, lời lẽ thiết yếu, đại lược như dưới.

**Hỏi:** Duy tâm tịnh độ cùng khắp mười phương, sao lại móng tâm thủ xả, mà cầu thác sanh liên đài, gởi thân Cực Lạc. Như thế đâu hiệp môn vô sanh, và đã có tâm nhằm uế thích tịnh thời đâu thành bình đẳng?

**Đáp:** Sanh về duy tâm Tịnh độ là phần của bực liễu đạt tự tâm, Kinh “Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới” nói: “Tất cả tam thế chư Phật đều duy tâm lượng, đặng tùy thuận hẳn, hoặc nhập sơ địa, xả thân mau sanh Cực Lạc quốc độ”. – Do đây mà biết rằng người đạt tự tâm mới sanh duy tâm Tịnh độ, còn hàng chấp cảnh chỉ thuộc trong cảnh sở duyên. Đã có hơn quá không sai, mới rõ ngoài tâm không thật pháp.

Lại môn bình đẳng cũng chỉ thú vô sanh, dầu tin theo lời Phật, nhưng ngặt vì lực lượng chưa đủ, quán trí cạn, tâm tưởng thô, trần cảnh mạnh, tập khí nặng, cần phải sanh Tịnh độ, để được nương nơi duyên thù thắng, nhân lực mới dễ thành, mau viên mãn Bồ Tát đạo.

Thập Nghi Luận nói: Người trí dầu mạnh mẽ cầu sanh Tịnh độ, nhưng đạt được lý sanh thể bất khả đắc, tức là chơn vô sanh. Đây là nghĩa "vì tâm tịnh mà Phật độ tịnh". Người ngu bị "sanh", nó trói buộc: nghe "sanh" liền cho là "sanh", nghe "vô sanh" liền cho là "vô sanh", mà chẳng hiểu lý: "Sanh là vô sanh, vô sanh là sanh", nên rồi thị phi với nhau. Đây là kẻ tà kiến báng pháp.

**Hỏi:** Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai, sao lại có việc thấy Phật và Phật đến rước?

**Đáp:** Duy tâm niệm Phật, dùng duy tâm quán khắp cả vạn pháp. Đã rõ cảnh là tâm, biết tâm là Phật, cho nên niệm đâu cũng là Phật cả.

Kinh Bát Chu Tam Muội nói: "Như người nằm mộng thấy thất bảo, và quyến thuộc vui vầy. Thức dậy nhớ nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu vừa thấy đó ở đâu. Niệm Phật cũng như vậy".

Đây là dụ cho "cảnh" do "tâm" làm ra, chính có mà là không, cho nên không Phật, cũng không lai, khứ. Lại "như huyễn không thật, thời tâm và Phật đều bật". Mà "chẳng phải là không huyễn tướng, thời tâm và Phật rõ ràng". "Không" và "có" đã vô ngại, nên chính không khứ lai nhưng chẳng ngại gì thấy Phật đến. Đương thấy chính là không thấy, thường hiệp với trung đạo. Vì thế nên Phật thiết không đến, tâm cũng chẳng đi, nhưng cảm ứng đạo giao duy tâm tự thấy. Như người gây tội nặng, cảm tướng địa ngục. Duy Thức luận nói:

- "Tất cả như người địa ngục đồng thấy ngục tốt v.v... làm những sự khổ hại cho mình". - Vì lẽ đó, nên đều là do tâm ác nghiệp của kẻ gây tội hiện ra, trọn không có chó đồng rắn sắt thiết ở ngoài tâm. Tất cả sự, tất cả pháp trong đời cũng đều như thế cả.

**Hỏi:** Quán kinh dạy 16 pháp quán, đều là nhiếp tâm tu định, quán tướng hảo của Phật cho đặng thấy rõ ràng đều đủ mới bước đến cõi Tịnh. Người tán tâm làm sao vắng sanh được.

**Đáp:** Cực Lạc chín phẩm có cao và thấp, nhiếp cả các hạng: thượng, trung và hạ, nhưng không ngoài 2 tâm này:



A - **“Định tâm”**, tu tập định quán thời thượng phẩm vãng sanh.

B - **“Chuyên tâm”**, chỉ chuyên niệm danh hiệu cùng thực hành các điều thiện, rồi hồi hướng phát nguyện thời đặng thành phẩm dưới. Nhưng cần phải **trọn đời chuyên cần**. Lúc ngồi nằm đều phải **xoay mặt hướng Tây**. Trong những lúc hành đạo, lễ kính, hồi hướng, phát nguyện phải **thiết tha cầu khẩn, lòng không xao lãng**. Như đương bị ngục tù, như đương bị giặc bắt, như đương bị trôi, bị cháy, như tâm cầu Phật cứu, nguyện thoát khỏi biển khổ sanh tử sanh về Tịnh độ, mau chứng vô sanh độ khắp mọi loài, để nối thành ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ơn. Nếu ai chí thành được như vậy thời quyết đặng kết quả.

Như hoặc ngôn hạnh không xứng đáng, tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhất, không nối liền mà thường có ý xao lãng. Giải đãi như vậy, đến lúc lâm chung cầu sanh, e rằng nghiệp chướng trở ngại khó gặp thiện hữu. Thân bị bức rức đau khổ khó giữ vững chánh niệm. Vì hiện tại đây là “nhơn”, lúc lâm chung là “quả”. Nếu lo **“nhơn cho chắc thiết”** thời **“quả quyết không hư luống”**. Như tiếng hòa nhã thời vang dội dàng. Như hình ngay thời bóng thẳng.

Như muốn đến lúc lâm chung thập niệm thành tựu, thời hiện tại phải lo sửa chữa trước **chuyên tâm niệm Phật, chứa nhóm công đức, hồi hướng cầu vãng sanh, niệm niệm không quên Phật, không rời Cực Lạc**. Như thế mới chắc chắn mà khỏi lo ngại.

Vả, hai đường: “thiện” và “ác”, hai báo: “khổ” và “vui” đều là do ba nghiệp (thân, khẩu, ý) gây nên.

Nếu tâm sân hận, tà dâm: đó là nghiệp Địa ngục.

Bòn sẻn tham lam không xả thí: đó là nghiệp Ngạ quỷ.

Đần độn ngu si: là nghiệp Súc sanh.

Ngã mạn cống cao: là nghiệp Tu La.

Kiên trì ngũ giới: là nghiệp Người.

Ròng tu thập thiện: là nghiệp Trời.

Chứng ngộ nhơn không: là nghiệp Thanh Văn.

Thấu rõ duyên sanh vô tánh: là nghiệp Duyên Giác.

Tu trọn lục độ: là nghiệp Bồ Tát.

Chơn từ bình đẳng: là nghiệp Phật.

Nếu tâm niệm thanh tịnh thời đài vàng hoa báu, hóa sanh nơi Tịnh độ. Còn tâm niệm nhơ đục thời gò nông hầm hố, thọ thai nơi cõi uế. Đây đều là “quả đẳng luân”, cảm lấy “duyên tăng thượng”. Cho nên nhơn cùng quả, rời ngoài tâm nguyên, không có tự thể riêng khác. Muốn đặng quả báo thanh tịnh thời phải thực hành nhơn hạnh thanh tịnh. Như nước thời tánh chảy xuống, lửa thời tánh bốc lên, thể tất nhiên như vậy, có gì mà nghi ngờ.

Lại vì người học đạo thời bấy giờ, phân vân nơi “Thiền” và “Tịnh”, chưa biết nên tu theo môn nào là hơn và chắc chắn, nên ngài có bốn bài kệ để so sánh sự lợi hại của hai môn.

- I - Có Thiền mà không Tịnh độ,  
Mười tu, chín kẻ dần dà,  
Ấm cảnh nếu hiện tiền,  
Thoạt theo nó mà đi.
- II - Không Thiền mà có Tịnh độ,  
Mười người tu, mười vãng sanh.  
Đặng gần Phật Di Đà  
Lo gì không khai ngộ.
- III - Có Thiền lại có Tịnh Độ  
Như cọp mạnh lại thêm sừng.  
Hiện đời làm thầy người,  
Đời sau làm Phật, Tổ.
- IV - Không Thiền cũng không Tịnh độ,  
Giường sắt cột đồng đang chờ.  
Muôn kiếp cùng nghìn đời,  
Không chỗ nương tựa được (2)

Nhà Tống, năm Khải Bửu thứ tám, ngày 26 tháng 2, sáng sớm dậy, ngài thắp hương lễ Phật. Lễ xong, ngài nhóm đại chúng lại dặn dò răn dạy, rồi ngồi kiết già trên pháp tọa mà thị tịch, thọ 72 tuổi.

Ít lúc sau có ông Tăng từ Lâm Xuyên đến chùa Vĩnh Minh, trọn năm lễ tháp của Đại Sư. Người gạn hỏi, ông Tăng ấy đáp: “Năm trước tôi có bệnh, thần thức vào u minh, thấy phía bên điện có thờ tượng một vị Hòa Thượng. Minh Vương cung kính lễ lạy. Tôi hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diêm Thọ Thiền Sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu, ngài đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bậc thượng thượng phẩm. Minh Vương trọng đức, nên thờ kính ngài”.

---

(1) *Người đời trọng đức, kiêng danh hiệu, nên quen gọi là “Vĩnh Minh Đại Sư”*

(2) *Lời phê bình trong 4 bài kệ này là cốt tủy của tam tạng Cổ đức cho là nghìn Phật ra đời cũng không dờ dỗi. Ý nghĩa rất xác đáng. Xem lời giải thích của Ấn Quang Đại Sư ở tập Thiền tịnh Quyết Nghi.*